

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 16/10/2024

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông Nguyễn Thành Đăng
Các Hội thẩm nhân dân:	Ông Nguyễn Thanh Trang Bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Tín** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Lữ Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16/10/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2024/QDXXST-DS ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Võ Thành N**, sinh năm 1961 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1935 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông **Võ Thành N**, sinh năm 1961; Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Hồ Công T1**, sinh năm 1967 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Ông **Hồ Công T2**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Võ Ngọc V**, sinh năm 1972 (Có mặt)

Cư trú tại: E N, Phường B, Thành phố V, Tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà **Võ Ngọc H**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: K, E S, F.

3.3. Bà **Võ Ngọc T3**, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: B Ter Avenue Lamennais M, France.

Đại diện theo ủy quyền của bà Võ Ngọc H và bà Võ Ngọc T3 là ông **Võ Thành N**, sinh năm 1961; Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

3.4. Bà **Võ Ngọc H1**, sinh năm 1962 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

3.5. Ông **Hồ Chí N1**, sinh năm 1951; Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Chí N1 là bà **Dương Thị G**, ông **Hồ Công B**, ông **Hồ Công T4**, ông **Hồ Công T5**, ông **Hồ Công V1**, ông **Hồ Hoàng A**, ông **Hồ Hoàng N2**, ông **Hồ Hoàng S**, ông **Hồ Hoàng T6**, bà **Hồ Thị Tuyết M**, bà **Hồ Thị S1** (Có đơn xin vắng mặt).

3.6. Ông **Hồ Mộng Đ**, sinh năm 1955 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Ông **Hồ Công T7**, sinh năm 1961 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long.

3.8. Bà **Hồ Thị Kim V2**, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Số A, tổ H, khu phố G, phường T, Quận A, TP ..

3.9. Ông **Hồ Công T8**, sinh năm 1963 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp T, Xã T, Huyện M, Tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Thành N trình bày:

Cha ông là ông Võ Văn S2 chết năm 2014 có đứng tên 02 thửa đất là:

- Thửa đất 281, diện tích 5780 m², đất thổ vườn, thời hạn sử dụng lâu dài bản đồ số 5.

- Thửa đất 272, diện tích 2470 m², đất nghĩa địa, thời hạn sử dụng lâu dài bản đồ số 5.

Cả hai thửa đất cùng tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Nguồn gốc của ông bà để lại cho cha ông và được cấp quyền sử dụng đất:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 573994, cấp ngày 06/7/2000 thửa 281 của UBND huyện M.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 952903, cấp ngày 06/7/2000 thửa 272 của UBND huyện M. Cả hai thửa đất trên do ông Võ Văn S2 đứng tên Quyền sử dụng đất và ông S2 đã chết năm 2014, không để lại di chúc.

* Hàng thừa kế thứ nhất của cha ông gồm mẹ ông là bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1935) và các con là:

- Võ Thành N, sinh năm 1961
- Võ Ngọc H1, sinh năm 1962
- Võ Ngọc T3, sinh năm 1964
- Võ ngọc H, sinh năm 1965
- Võ Ngọc V, sinh năm 1972

Cả hai thửa đất nêu trên hiện nay do ông sử dụng và trực tiếp canh tác cho đến nay.

Tiếp giáp với thửa đất 281 và thửa đất 272 là thửa 274 của bà Đinh Thị N3 đứng tên quyền sử dụng đất, hiện tại bà N3 và chồng bà N3 đã chết, các con của bà N3 là:

- Hồ Công T1, sinh năm 1967
- Hồ Công T2, sinh năm 1965
- Hồ Chí N1, sinh năm 1951
- Hồ Mộng Đ, sinh năm 1955
- Hồ Công T7, sinh năm 1961
- Hồ Công T8, sinh năm 1963
- Hồ Thị Kim V2, sinh năm 1953

* Hiện nay phần đất thửa 274 do bà Đinh Thị N3 đứng tên quyền sử dụng đất, được ông Hồ Công T1 và Hồ Công T2 trực tiếp quản lý sử dụng.

* Trong quá trình sử dụng ông T1 và ông T2 đã lấn chiếm qua thửa 281, tại vị trí có diện tích chiều ngang nhỏ 1,8m; ngang lớn 4m; chiều dài là 50m là ranh đất với ông Nguyễn Văn H2 với thửa đất 281, chiều dài còn lại 50m là ranh đất với thửa 274 và thửa 281; diện tích lấn chiếm tương đương 145m thuộc phần diện tích của thửa 281 của ông Võ Văn S2.

Đồng thời ông T1 và ông T2 cũng đã lấn chiếm qua thửa 272 tại vị trí ao và một phần đất có chiều dài 15m là ranh đất thửa 271 của bà Lê Thị T9, chiều dài còn lại 9m, là ranh đất với thửa 274 của bà Đinh Thị N3, diện tích bị lấn chiếm khoảng 135m².

Trên phần diện tích tranh chấp với thửa 272 có trồng 02 cây dừa khoảng 10 năm tuổi, 01 cây dừa khoảng 2 năm tuổi, 01 bụi tre và 02 cây mù u do các con bà Đinh Thị N3 ngang nhiên trồng, ngoài ra trên đất không có vật kiến trúc nào khác.

Trên phần diện tích tranh chấp với thửa 281 có trồng 6 cây sầu riêng 1,5 tuổi và 05 nhánh bưởi mới trồng cũng như một số cây mai vàng do các con bà N3 bứng từ nơi khác đến và trồng, ngoài ra trên đất không có vật kiến trúc nào khác.

***Nguồn gốc, vị trí thửa đất tranh chấp:**

Trước năm 1975, ông bà nội ông là chủ thửa đất lớn tiếp giáp, chạy dài dọc đến bờ sông M, trên đất có cho một số hộ bà con cùng nhiều gia đình khác ở nhờ. Sau năm 1975, thực hiện chủ trương đo đạc của nhà nước, các hộ ở nhờ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Từ đó thửa đất của ông bà ông đã chia thành nhiều thửa, trong đó có thửa đất 273 do ông Hồ Công T2 đứng tên quyền sử dụng đất. Và thửa 274 do bà Đinh Thị N3 đứng tên quyền sử dụng đất và ông Hồ Công T1 là con trực tiếp canh tác quản lý sử dụng. Còn gia đình ông là ông Võ Văn S2 đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất thửa 272 và thửa 281 được bao bọc ba hướng với hai thửa liền kề 273 và thửa 274 của bị đơn.

Hai thửa đất 273 của ông Hồ Công T2 và thửa đất 274 của bà Đinh Thị N3 là hai thửa liền kề nhau, có 03 hướng được bao bọc bởi các thửa đất của ông S2 là thửa 272 và 281, hướng còn lại giáp với thửa đất 232 của ông Lê Văn Ú không có tranh chấp.

Cả hai thửa đất 272 và thửa 281 của ông Võ Văn S2 đều bị các con của bà Đinh Thị N3 lấn chiếm. Cha ông đã nhiều lần yêu cầu bà N3 và các con bà trả lại đất theo đúng như quyền sử dụng đất đã được cấp, nhưng đều bị chửi mắng và hăm dọa, gia đình bà N3 còn tự động ngang nhiên trồng cây trên đất của gia đình ông, sự việc lấn chiếm kéo dài, cha ông đã nhẫn nhịn để giữ tình làng nghĩa xóm. Cho đến khi cha ông chết thì anh em của ông Hồ Công T1, Hồ Công T2, Hồ Công T8, Hồ Chí nghĩa tiến hành bơm lấp mương trên đất đã lấn chiếm với mục đích xây cất nhà. Ông đã trình báo đến UBND xã T sự việc và được xã chỉ đạo tổ hòa giải áp hòa giải. Khi tiến hành hòa giải thì anh em của bên bị đơn có hành vi lăng mạ, chửi bới tổ hòa giải không thể hòa giải được.

Từ những tình tiết trên, ông xét thấy gia đình bị đơn có ý định chiếm đoạt đất của gia đình ông, nên ông có yêu cầu UBND xã giải quyết tranh chấp đất đai và lần hòa giải này cũng không thành. Mặc khác khi đo đạc theo chương trình VLAP cũng không thể đo đạc được do sự lấn chiếm, tranh chấp đất của các con bà Đinh Thị N3.

Do vậy ông tiến hành khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu phía bị đơn trả cho ông phần đất tranh chấp thửa 272 có diện tích 227,1m² theo tư liệu bản đồ ĐCCQ diện tích thực đo 227,1m² ghi nhận tên bà Nguyễn Thị T đứng tên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần đất thửa

281 có diện tích 225,1m² theo tư liệu bản đồ ĐCCQ ghi nhận bà Đinh Thị N3 đứng tên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Yêu cầu ông Hồ Công T1 và ông Hồ Công T2 phải di dời toàn bộ cây cối đã trồng trên phần đất lấn chiếm, trả lại đất cho gia đình ông Võ Văn S2 để con ông S2 là Võ Thành N tiến hành sang tên quyền sử dụng đất theo dạng thừa kế theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Công T1 trình bày:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và Võ Thành N trình bày trong quá trình ông sử dụng thửa đất 274 của mẹ ông bà Đinh Thị N3 (đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông lấn qua thửa đất số 281 tại vị trí có chiều ngang nhỏ 1,8m, ngang lớn 4m có chiều dài là 50m là ranh với ông Nguyễn Văn H2 với thửa đất 281, chiều dài còn lại 50m là ranh đất với thửa 274 và thửa 281, diện tích lấn chiếm tương đương 145m² thuộc phần diện tích của thửa 281 do ông Võ Văn S2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lấn qua thửa đất số 272 tại vị trí ao và một phần đất có chiều dài 15m là ranh của bà Lê Thị T9, chiều dài còn lại 9m là ranh đất với thửa 274.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long trưng cầu cơ quan chuyên môn tiến hành khảo sát đo đạc theo trích đo bản đồ địa chính chính quy từ phần đất tranh chấp là:

Diện tích 225,1m² thuộc thửa đất 274 do mẹ ông bà Đinh Thị N3 (đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã quản lý sử dụng thửa đất 274 từ xưa đến nay hơn phần đất tranh chấp này không tiếp giáp trực tiếp với thửa đất số 281 do ông Võ Văn S2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc bà T, ông N cho rằng ông lấn chiếm qua thửa đất 281 do ông Võ Văn S2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn vô căn cứ. Vì vậy, ông không đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị T và Võ Thành N theo yêu cầu khởi kiện của bà T, ông N. Đề nghị Tòa án công nhận cho hàng thừa kế của bà Đinh Thị N3.

Đối với diện tích 227,1m² thuộc thửa đất số 272, diện tích 2.470m², đất nghĩa địa, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Trường hợp Tòa án xác định phần diện tích này thuộc thửa đất số 272 của ông Võ Văn S2 thì tôi đồng ý trả lại diện tích 227,1m² và cây trồng gắn liền trên thửa đất cho những người thừa kế của ông Võ Văn S2. Đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị T và Võ Thành N trả cho tôi giá trị cây trồng trên thửa đất 272.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Mộng Đ trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Hồ Công T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Ngọc H1, chị Võ Ngọc V trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Võ Thành N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị G, ông Hồ Công B, ông Hồ Công T4, ông Hồ Công T5, ông Hồ Công V1, ông Hồ Hoàng A, ông Hồ Hoàng N2, ông Hồ Hoàng S, ông Hồ Hoàng T6, bà Hồ Thị Tuyết M, bà Hồ Thị S1, ông Hồ Công T7, ông Hồ Công T8 trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Hồ Công T2 và ông Hồ Công T1 và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn trình bày yêu cầu ông T1 và ông T2 trả lại cho cụ Nguyễn Thị T và những người thừa kế của cụ Võ Văn S2 phần diện tích 227,1m² thuộc thửa 44 do bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất. Buộc bị đơn di dời hoặc đốn bỏ cây trồng trên diện tích 227,1m² trong thời gian 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Ngọc H1, bà Võ Ngọc V trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Bị đơn trình bày yêu cầu cho bị đơn và những người thừa kế của cụ Đinh Thị N3 tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 225,1m² thuộc thửa 43 do bà Đinh Thị N3 đứng tên quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Mộng Đ trình bày thống nhất với lời trình bày của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Về nội dung:

Kiểm sát viên trình bày nội dung, phân tích chứng cứ, căn cứ pháp luật và đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 34, Điều 37, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

+ Buộc bị đơn ông Hồ Công T1 và ông Hồ Công T2 trả lại cho cụ Nguyễn Thị T và những người thừa kế của cụ Võ Văn S2 phần diện tích 227,1m² gồm các mốc (9, 3, 4, 5, 9) theo tư liệu bản đồ ĐCCQ thuộc thửa 44 ghi nhận tên bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn di dời hoặc đốn bỏ cây trồng trên diện tích 227,1m² trong thời gian 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Nguyên đơn cụ Nguyễn Thị T và ông Võ Thành N đồng ý giao cho bị đơn và những người thừa kế của cụ Đinh Thị N3 tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 225,1m² gồm các mốc (4, 28, 30, 26, 27, 4) theo tư liệu bản đồ ĐCCQ thuộc thửa 43 ghi nhận tên bà Đinh Thị N3.

(Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 24/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).

- Về án phí: Ông N tự nguyện chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn chịu 4.427.000đ và bị đơn chịu 4.427.000đ.

Các đương sự liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Vụ án thuộc quan hệ tranh chấp “Quyền sử dụng đất” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 2 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Chí N1 là bà Dương Thị G, ông Hồ Công B, ông Hồ Công T4, ông Hồ Công T5, ông Hồ Công V1, ông Hồ Hoàng A, ông Hồ Hoàng N2, ông Hồ Hoàng S, ông Hồ Hoàng T6, bà Hồ Thị Tuyết M, bà Hồ Thị S1, ông Hồ Công T7, ông Hồ Công T8 đã có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Kim V2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận nguyên đơn giao cho bị đơn phần đất thửa 43, diện tích thực đo 225,1m² theo tư liệu bản đồ ĐCCQ ghi nhận tên bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất; Bị đơn giao cho nguyên đơn phần đất thửa 44, diện tích 227,1m² theo tư liệu bản đồ ĐCCQ ghi nhận tên bà Đinh Thị N3 đứng tên quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Về cây trồng trên phần đất thửa 43 bị đơn có trách nhiệm đốn cây trong thời hạn 30 ngày để giao lại phần đất cho nguyên đơn. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn ông Võ Thành N đồng ý nộp thay cho bị đơn ông Hồ Công T1. Ông Võ Thành N và ông Hồ Mộng Đ được miễn án phí theo quy định pháp luật.

4. Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá 8.834.000 đồng các đương sự không thỏa thuận được nên hội đồng xét xử quyết định mỗi bên chịu 50% chi phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn ông Võ Thành N nộp 4.427.000 đồng, ông N đã nộp xong. Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn 4.427.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100; 203 Luật đất đai 2013; Điều 26, 34, 37, 147; 157; 165; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 2 Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

- Buộc bị đơn ông Hồ Công T1 và ông Hồ Công T2 trả lại cho cụ Nguyễn Thị T và những người thừa kế của cụ Võ Văn S2 phần diện tích 227,1m² gồm các mốc (9, 3, 4, 5, 9) theo tư liệu bản đồ ĐCCQ thuộc thửa 44 ghi nhận tên bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn di dời hoặc đốn bỏ cây trồng trên diện tích 227,1m² trong thời gian 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Nguyên đơn cụ Nguyễn Thị T và ông Võ Thành N đồng ý giao cho bị đơn và những người thừa kế của cụ Đinh Thị N3 tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 225,1m² gồm các mốc (4, 28, 30, 26, 27, 4) theo tư liệu bản đồ ĐCCQ thuộc thửa 43 ghi nhận tên bà Đinh Thị N3.

(Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 24/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn ông Võ Thành N đồng ý nộp thay cho bị đơn ông Hồ Công T1.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, khảo sát, đo đạc và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Võ Thành N nộp 4.427.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng), ông N đã nộp xong. Bị đơn ông Hồ Công T1 có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn ông Võ Thành N 4.427.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, đối với các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- THADS Tỉnh 01;
- Các ĐS;
- HCTP 01;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng